

11	Khăn 40 x 40cm	Cái	130	<p>- Quy cách: Khăn có kích thước 40 × 40 cm, được may 2 lớp và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Chất liệu: Si</p> <p>- Màu sắc: Xanh két, không phai màu</p> <p>- Kích thước: 40 x 40cm</p> <p>- Logo: Có 1 mộc in ở góc</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khối lượng vải (g/m²) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5 2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: 445 ±5 + Ngang: 195 ±5 3. Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: 855 ±5 + Ngang: 305 ±5 4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: ≥ 35 + Ngang: ≥ 36 5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: -1.3 ±4 + Ngang: 0.0 ±4 6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương: <ul style="list-style-type: none"> + Polyester: 65 ±5 + Cotton: 35 ±5
----	----------------	-----	-----	--

12	Khăn 60 x 60cm	Cái	300	<p>- Quy cách: Khăn có kích thước 60 × 60 cm, được may 2 lớp và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Chất liệu: Si</p> <p>- Màu sắc: Xanh kết, không phai màu</p> <p>- Kích thước: 60 x 60cm</p> <p>- Logo: Có 1 mộc in ở góc</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khối lượng vải (g/m²) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5 2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 445 ±5 + Ngang: 195 ±5 3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 855 ±5 + Ngang: 305 ±5 4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: + Dọc: ≥ 35 + Ngang: ≥ 36 5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: + Dọc: -1.3 ±4 + Ngang: 0.0 ±4 6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019: + Polyester: 65 ±5 + Cotton: 35 ±5
----	----------------	-----	-----	---

13	Khăn lỗ 100 x 120cm	Cái	600	<p>- Quy cách: Khăn có kích thước 100 × 120 cm, được may 2 lớp và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Chất liệu: Si</p> <p>- Màu sắc: Xanh két, không phai màu.</p> <p>- Kích thước: 100 x 120cm</p> <p>- Logo: Có 1 mộc in ở góc</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khối lượng vải (g/m²) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5 2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 445 ±5 + Ngang: 195 ±5 3. Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 855 ±5 + Ngang: 305 ±5 4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: + Dọc: ≥ 35 + Ngang: ≥ 36 5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: + Dọc: -1.3 ±4 + Ngang: 0.0 ±4 6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương: + Polyester: 65 ±5 + Cotton: 35 ±5
----	---------------------	-----	-----	---

14	Khăn lỗ 60 x 60cm	Cái	50	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Khăn có kích thước 60 × 60 cm, được may 2 lớp và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng. - Chất liệu: Si - Màu sắc: Xanh két, không phai màu - Kích thước: 60 x 60cm - Logo: Có 1 mộc in ở góc - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> 1. Khối lượng vải (g/m²) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5 2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: 445 ±5 + Ngang: 195 ±5 3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 : <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: 855 ±5 + Ngang: 305 ±5 4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: ≥ 35 + Ngang: ≥ 36 5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Dọc: -1.3 ±4 + Ngang: 0.0 ±4 6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> + Polyester: 65 ±5 + Cotton: 35 ±5
15	Mền	Cái	45	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Theo mẫu bệnh viện - Chất liệu: Ni - Màu sắc: xanh bích - Kích thước: 120cm x 190cm - Logo: Có 1 mộc in ở góc

16	Bộ phẫu thuật phòng mổ Nam/Nữ	Bộ	10	<p>- Quy cách:</p> <p>- Áo phối viền phía sau cổ, quần dây rút giống màu viền cổ áo</p> <p>+ Áo nam: cổ tim, 1 túi trên ngực trái, 2 túi cặp sườn</p> <p>+ Áo nữ: cổ tim đắp, 2 túi cặp sườn</p> <p>- Quần: 2 túi cặp sườn, may dây rút</p> <p>- Chất liệu: Kate Ford</p> <p>- Màu sắc: Xanh đen/đen</p> <p>- Kích thước: Theo mẫu bệnh viện</p> <p>- Logo: Thêu logo Bệnh viện</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Khối lượng vải (g/m²) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5</p> <p>2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương:</p> <p>+ Dọc: 403 ±5</p> <p>+ Ngang: 180 ±5</p> <p>3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương:</p> <p>+ Dọc: 580 ±5</p> <p>+ Ngang: 610 ±5</p> <p>4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương:</p> <p>+ Dọc: ≥ 66</p> <p>+ Ngang: ≥ 33</p> <p>5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương:</p> <p>+ Dọc: -0.9 ±4</p> <p>+ Ngang: -0.8 ±4</p> <p>6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương:</p> <p>+ Polyester: 65 ±5</p> <p>+ Cotton: 35 ±5</p>
----	-------------------------------	----	----	---